

## CỘI GỐC SANH TỬ VÀ NIẾT-BÀN

### Chùa Hồng Pha Toronto - 1994

Hôm nay thể theo lời yêu cầu của chư Tăng Ni tại đây, chúng tôi sẽ thuyết một thời pháp cho tất cả Tăng Ni Phật tử nghe, với đề tài Cội gốc sanh tử và cội gốc Niết-bàn.

Thật ra người tu không phải ham tu là tu được, mà đòi hỏi phải thâm nhập Phật pháp cho sâu, sau đó ứng dụng tu mới đạt kết quả tốt. Nếu chỉ biết tu mà không hiểu Phật pháp, đó là một thiếu sót lớn, có thể dẫn đến nguy hại. Bởi người không hiểu Phật pháp dễ đi lệch lạc, rơi vào tà đạo lúc nào không hay. Vì vậy đối với Tăng Ni cũng như Phật tử, hiểu Phật pháp là mấu chốt trọng yếu trên đường tu.

Chúng ta tu ai cũng muốn giải thoát sanh tử, thế nên trước hết cần phải biết nguyên do nào chúng ta phải trầm luân trong sanh tử. Biết gốc trầm luân sanh tử rồi mới biết nhân giải thoát. Vì thế ở đây tôi nêu lên hai vấn đề gốc sanh tử và gốc giải thoát, để chúng ta biết cái nào hiểm nguy thì tránh, cái nào cao siêu lợi ích thì hành. Trong kinh Phật dạy đầy đủ tất cả đường lối tu trì, nhưng vì chúng ta không đủ duyên nên không nghe, không nhận được.

Trước tiên nói về có và không hay khen và chê, tôi xin dẫn kinh Trường A-hàm. Một hôm đức Phật trên đường về Tinh xá Trúc Lâm, có hai thầy trò ngoại đạo theo sau. Ông thầy tìm đủ cách chỉ trích chê bai đức Phật, ngược lại người trò dùng mọi lời lẽ tốt đẹp tán thán khen ngợi Như Lai. Vì thế chư Tỷ-kheo bực bội không vui, về tới Tinh xá các thầy liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, tại sao đối với đức Phật mà ông thầy thì chê, người trò lại khen, như vậy ai đúng?

Đức Phật trả lời:

- Các người đừng nói ai đúng, nếu nghĩ khen là đúng, chê là đúng thì các người sẽ bị phiền não. Nếu nói khen đúng thì người được khen sinh tâm ngạo mạn. Nếu nói chê đúng thì người bị chê sẽ sanh ra bực bội. Như vậy đừng để khen chê làm cho tâm mình sanh phiền não.

Phật tử đối với việc khen và chê thế nào? Chúng ta được khen có vui không, bị chê có buồn không? Ta nên nhớ chắc gì người khen là thực khen, nhiều khi họ khen xã giao cho được lòng mình. Hoặc nhiều khi người ta ghét nên chê cho mình bực bội, như vậy chê cũng không đúng. Thành ra khen chê không có lẽ thật. Như vậy nghe khen vui, nghe chê buồn là mình sáng suốt hay không sáng suốt? Chắc chắn là không sáng suốt rồi.

Bây giờ làm sao người ta khen mình đừng vội mừng, người ta chê mình đừng vội giận mà phải xét lại mình? Điều này hết sức nhỏ nhưng chúng ta phải cẩn thận đừng bị lầm. Phật nói có những điều người ta khen Thế Tôn nhưng cái khen đó chỉ là hình thức bề ngoài, không có gì quan trọng. Còn một điều quan trọng hơn, đáng để khen hơn của một vị Tỷ-kheo là khi mắt đối với sắc, tâm không dính, không nhiễm, biết rõ ràng mà không bị nó cột trói. Đây là điều đáng khen mà thế gian không biết, chỉ có những vị A-la-hán mới khen những điều đó.

Khi tai ta nghe tiếng, biết rõ ràng tiếng khen tiếng chê mà tâm không dính, không bị cột trói. Khi mũi ngửi mùi biết rõ thơm hôi nhưng cũng không dính mắc... cho đến lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp trần không dính không mắc một thứ nào hết mới đáng được khen ngợi, nhưng người đời lại không biết. Chỉ có những vị A-la-hán mới biết khen ngợi như thế thôi.

Người thế gian thường khen những hình thức giả tạm bên ngoài, còn cái thực là đối với sáu trần biết rõ ràng mà không dính không nhiễm thì không khen. Ví dụ quý Phật tử thấy chư Tăng Ni tu, người nào ra đường nghiêm trang tề chỉnh, đi ngó dưới đất, không ngó qua ngó lại, hoặc thấy thầy cô nào ăn mặc rách rưới sơ sài... quý vị khen thầy cô đó tu rất nghiêm chỉnh đạm bạc. Còn những thầy cô được người đem biếu tặng vật gì đẹp mắt nhưng không ham, không nhận, quý vị làm sao biết mà khen? Như vậy chúng ta chỉ thấy hình thức bên ngoài, còn tâm niệm trong sáng không dính không mắc bên trong người đời ít ai thấy được.

Người tu hình thức tuy rất nghiêm trang nhưng nội tâm còn dính mắc thì vẫn không thể giải thoát như thường. Còn người tuy hình thức tầm thường nhưng mọi dính mắc đều không cột trói được, người đó tự nhiên được giải thoát. Cho nên chúng ta phải biết rõ trọng tâm khen chê không phải ở hình thức mà ở tâm niệm của mỗi người. Ai đã thoát được, đã tháo gỡ được những cột trói của dục lạc thế gian, đó là người đáng khen. Còn hình thức bên ngoài nghiêm trang nhưng đưng đầu dính đó thì chưa đáng khen.

Bây giờ tôi dẫn trong kinh Tạp A-hàm, có một bài kinh kể lại câu chuyện thế này. Hồi Phật còn tại thế, ngài Phú-lâu-na đến bạch với Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, con muốn tìm nơi vắng vẻ chuyên tu cho chóng được Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn vì con giảng nói chỗ tâm yếu, để con chóng vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

- Muốn đạt được chỗ tâm yếu đó không gì hơn là mắt thấy sắc đừng bị sắc trói cột, đừng dính với sắc. Tai nghe tiếng đừng để tiếng lôi cuốn, đừng dính nhiễm với tiếng. Mũi ngửi mùi đừng bị mùi cột trói, đừng dính mắc với mùi. Lưỡi nếm đừng bị vị trói buộc, đừng dính mắc với vị. Thân xúc chạm dù cho êm ái nhẹ nhàng vui thích hay thô nhám khó chịu cũng không bị dính cột trói, đừng dính mắc với xúc. Ý duyên với pháp trần không bị pháp trần lôi dẫn, không dính mắc với pháp trần. Nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không dính mắc với sáu trần, đó là nhân đến Niết-bàn.

Nghe Phật dạy như vậy rồi, ngài Phú-lâu-na đành lễ từ giả Thế Tôn, xin tìm một chỗ vắng vẻ tu. Đức Phật hỏi Ngài định đi đâu, Ngài thưa định sang một nước ở phương Tây để tu. Đức Phật nói:

- Ta nghe dân xứ ấy hung dữ lắm, ông qua đó họ làm khó, làm sao tu được?

Ngài Phú-lâu-na bạch:

- Bạch Thế Tôn, nếu người ta khó dễ với con, con vẫn can đảm tinh tấn tu.

Phật hỏi:

- Giả sử như họ chửi mắng ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ chửi mắng con là vẫn còn hiền vì chưa đánh đập con.

- Giả sử họ dùng tay chân thôi đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng tay chân thôi đánh con là vẫn còn hiền vì chưa dùng dao gậy đánh con.

- Giả sử họ dùng tới dao gậy đánh ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ dùng dao gậy đánh con là vẫn còn hiền vì chưa giết con.

- Giả sử họ giết ông thì ông nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ giết con thì càng tốt vì họ giải quyết sớm dứt con thân ô uế này. Con cảm ơn họ nhiều hơn.

Bấy giờ Phật bảo:

- Nếu ông được như vậy thì nên qua đó tu.

Ngài Phú-lâu-na với pháp Phật dạy và ý chí sắt đá đã qua xứ ấy tu, chỉ ba tháng thôi liền chứng quả A-la-hán.

Chúng ta thấy muốn được quả A-la-hán dễ hay khó? Tu ba tháng mà chứng A-la-hán thì quá dễ phải không? Nhưng muốn như vậy, phải làm được hai việc. Thứ nhất bị người ta đánh đập chửi mắng, nhẫn đến giết mình cũng không giận. Chưa được như vậy e khó vào Niết-bàn. Vì còn giận là còn phiền não, còn phiền não làm sao được Niết-bàn? Nên điều thứ nhất là trước mọi thử thách như chửi mắng, đánh đập cho tới bị giết mình cũng không buồn không giận, tâm không thôi chuyển mới có thể vào Niết-bàn một cách mau chóng. Thứ hai là mắt, tai, mũi, lưỡi đối với sáu trần không dính không mắc.

Chúng ta còn dính mắc nhiều quá, thấy cái gì đẹp trở mắt nhìn hoài không chán. Nghe ai nói gì đụng chạm tới mình thì quạu lên liền, không tha được. Như vậy mắt thấy sắc dính sắc, tai nghe tiếng dính tiếng, mũi ngửi mùi dính mùi, lưỡi nếm vị dính vị... dính đủ hết. Bởi dính nên tu không đến được Niết-bàn, nếu đừng dính thì được Niết-bàn dễ chớ đâu có khó. Ta thử nghĩ đối trước tất cả hoàn cảnh khó khăn, bị đánh đập hay chèn ép mà mình không phiền không giận, như vậy tâm an lành biết mấy, sự tu có gì phiền não đâu.

Sở dĩ chúng ta hay phiền não là tại sao? Vì bị chê một chút liền nổi giận, giận hai ba ngày chớ không phải giận một buổi. Giận hai ba ngày tức là hai ba ngày hết tu. Đó là duyên nghịch. Còn gặp duyên thuận như thấy người đẹp vật đẹp tâm sanh ưa thích, hướng theo đó mãi cũng hết tu. Vì thế cả ngày tâm cứ chạy theo những trần cảnh bên ngoài, không chút yên ổn. Tới giờ tụng kinh niệm Phật cũng không yên. Tay cầm quyển kinh miệng đọc mà lạt nhớ chuyện này chuyện nọ, chớ không chịu nhớ kinh. Đó là thói quen luôn đuổi theo và dính mắc với sáu trần của chúng ta, vì vậy bị trói buộc mãi không có ngày thoát ra.

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy thật ra đạo không xa, nhưng vì mình đắm nhiễm quá thành ra cách xa. Giả sử bây giờ có ai mắng chửi mình, ta vẫn lặng thinh không buồn không giận, đó là dở hay là hay? Chắc không phải dở rồi. Ngược lại, nếu người ta chửi mình một, mình chửi lại hai ba thì hay hay dở? Mới nhìn thấy như hơn, nhưng hơn cái hung dữ của thế gian, còn thua về mặt đạo đức. Vì đứng trên đạo đức càng tranh hơn tranh thua thì càng mất đạo đức. Đã là người tu chúng ta phải chú trọng đạo đức sao cho mỗi ngày mỗi tăng tiến hơn, tập khí thế gian mỗi ngày mỗi giảm bớt đi. Như vậy mới xứng gọi là Phật tử chứ.

Chúng sanh luôn bị ba thứ độc tham sân si sai sử. Nghe người ta nói câu gì trái tai thì chú độc sân nổi lên, thúc mình phải ăn thua với người ta. Ta làm dữ với thiên hạ, thắng được thiên hạ tức là đã thua và đầu hàng chú sân rồi. Ngược lại khi nghe một câu

nói trái tai, chú sên vừa muốn thúc mình làm dữ, ta liền dẹp chú, không nghe chú, bắt chú nép phục mình, đó là ta đã thắng được chú độc sên rồi. Phật dạy người tu là người tự thắng mình. Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.

Phật tử vào chùa thường thấy tấm biển to ghi bốn chữ “Đại hùng bảo điện”, đó là lời tán thán đức Phật là đáng đại hùng đại lực. Ngài đại hùng chỗ nào, đại lực chỗ nào? Đại hùng vì Ngài thắng được Ngài, đại lực vì Ngài thắng được tất cả ma quân. Còn chúng ta bây giờ hùng với người ngoài mà thua với chính mình nên không thể gọi là đại hùng đại lực. Người tu phải tự chiến thắng được mình, mới thật là đại hùng đại lực, mới có thể thành tựu Phật quả.

Vì thế nhà Phật dạy chúng ta tu là phải nhìn cho kỹ, thấy cho rõ mình như thế nào đối với sáu trần, có dính có nhiễm không? Nếu dính nhiễm thì phải gỡ bỏ. Chừng nào không còn dính, không còn nhiễm nữa mới thật là người biết đi trên con đường giải thoát.

Trở lại vấn đề cái gì là gốc dẫn chúng ta đi trong trầm luân sanh tử và cái gì là gốc dẫn chúng ta tới Niết-bàn giải thoát? Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ về việc này. Một hôm ngài A-nan bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, cái gì là cội gốc của sanh tử, cái gì là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn?”. Ngay lúc đó đức Phật không trả lời. Lát sau bỗng dựng nghe trên hư không mười phương chư Phật đều đồng thình trả lời rằng: “Này A-nan, cội gốc của sanh tử là sáu căn của ông, cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông”.

Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đó là cội gốc của trầm luân sanh tử và cũng là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn. Tại sao? Chúng ta sử dụng sáu căn thế nào để được thoát ly sanh tử, hoặc chìm trong trầm luân sanh tử. Như tôi đã kể, mắt đuổi theo sắc dính với sắc nên bị nó dẫn dắt, lôi kéo. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị cũng như thế. Ví dụ lưỡi nếm những thức ăn ngon ta thấy thích, thức ăn không ngon ta thấy bực. Do đó thay vì ăn để sống, chúng ta lại ăn để phiền não. Bởi đâu có bữa cơm nào cũng vừa với lưỡi hết. Nếu vừa ý thích thì ta thêm ăn thêm tức là tham. Nếu không vừa ý thích ta bực dọc tức là sân, đó là phiền não. Mà phiền não là cội gốc dẫn đi trong trầm luân sanh tử.

Nếu xét kỹ trọng tâm ngon dở ở tại chỗ nào? Tại bao tử. Bao tử trống thiếu thì đem vô cái gì cũng ngon hết, còn bao tử đầy thì của quý cũng thành không ngon. Như vậy cái ngon dở đâu có giá trị thật, nhưng vì ta quên chỉ nhớ sự đòi hỏi của cái lưỡi thôi, thành ra chạy theo nó mãi. Lỡ mũi, con

mắt, lỗ tai... cũng như vậy. Rồi thỏa mãn thân nữa, cả đời làm không dư xu nào hết cũng vì những sự đòi hỏi này. Nhiều người than khổ quá, đi làm hoài không được nghỉ. Ai đày đọa mình mà khổ như vậy? Có phải mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nó hành không?

Thế nên người biết tu sống vừa phải, đừng lệ thuộc vào những thứ ấy tự nhiên được an nhàn. Ăn để mà sống thì ăn cái gì cũng được, miễn no bụng thôi. Mặc để che thân thì mặc gì cũng được, miễn lành lặn là tốt rồi. Thân này dù xấu đẹp gì vài mươi năm cũng phải chết, như vậy chẳng lẽ ta thỏa mãn để rồi chết sao? Muốn mà không được thì đau khổ, chớ có lợi ích chi. Thân này không thật, hạnh phúc cũng không thật, chúng ta lầm mê tưởng là thật nên phải chịu trôi lăn trong trầm luân sanh tử mãi.

Đối với người biết tu thì sáu căn đối với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không dính không nhiễm, đó là cội gốc Bồ-đề Niết-bàn. Sắc là hình sắc đẹp xấu, thanh là những âm thanh hay dở, hương là mùi thơm hôi, vị là những vị ngon dở, xúc là những cảm giác xúc chạm của cơ thể, pháp là những bóng dáng trong nội tâm hiện ra. Khi sáu căn đối với sáu trần có dính có nhiễm thì đi trong sanh tử. Khi sáu căn đối với sáu trần không dính không nhiễm là Bồ-đề Niết-bàn.

Ví như có người thích uống rượu. Ban đầu uống một cốc chơi, lần lần uống hai cốc ba cốc, thời gian năm tháng bảy tháng sanh ghiền. Hồi đầu uống chơi nên còn tự do, muốn uống thì uống, không muốn thì thôi. Nhưng khi ghiền rồi, không có rượu phải chạy ra quán mua rượu về uống. Cái gì dẫn họ chạy? Cái ghiền rượu. Mà ghiền là tập nhiều lần thành thói quen nên ghiền. Đã ghiền thì phải lệ thuộc vào nó, do đó bị nó dẫn đi, mất hết tự do. Chính mình tạo rồi mình mất tự do, nếu không tạo thì đâu có mất.

Tự do tức là nhân của giải thoát, còn bị các trần dẫn đi là gốc của trầm luân, chớ có gì lạ đâu. Chúng ta tự kiểm lại mình xem ta đang chuẩn bị đi lên hay bị lôi xuống. Bị lôi xuống là khổ, còn giải thoát đi lên thì an nhàn. Nếu bị những sở thích lôi kéo, không làm chủ được là biết mình bị lôi xuống. Nếu những gì thế gian thích mà mình vẫn không bị dính không bị mắc, đó là đi lên. Cho nên sự tu của mình không phải đi hỏi người này người kia. Tôi thường bị nhiều Phật tử hỏi: “Thưa Thầy, Thầy xem giúp con có căn tu không?”. Tôi trả lời: “Ai cũng có căn tu hết, chỉ muốn tu hoặc không muốn tu thôi”. Tại sao ai cũng có căn tu? Bởi Phật nói ai cũng có tánh Phật, tức là có căn tu. Người chịu tu thì tu được, người không chịu tu thì tu không được, chớ đừng hỏi có hay không có.

Quý Phật tử thử xét trong tâm mình có bao giờ hoàn toàn nghĩ xấu hay hoàn toàn nghĩ tốt không?

Có khi nghĩ tốt, có khi nghĩ xấu. Như vậy nơi tâm chúng ta có đủ thiện ác. Bây giờ tu là làm sao? Bỏ ác, giữ thiện, chỉ vậy thôi. Có thiện sẵn là có căn rồi, còn hỏi ai chi nữa? Cho nên chúng ta tu là loại trừ điều dữ, nuôi dưỡng điều lành cho tăng trưởng. Như vậy ai cũng có căn hết. Có lắm vị đi coi ngày coi tháng coi tuổi thử xem mình tu được hay không? Nhiều vị xuất gia hay vào chùa cũng phải lựa ngày lành tháng tốt mới đi, tôi cho như vậy là quá kỹ. Với tôi ngày nào đi tu cũng là ngày tốt, còn ngày nào đi ăn trộm cũng là ngày xấu hết.

Như vậy ai cũng có đủ sáu căn tức là có đủ cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn và cội gốc của trầm luân sanh tử. Chỉ đừng để sáu căn nhiễm dính với sáu trần là giải thoát, ngược lại là trầm luân, chớ không gì lạ. Chúng ta xét thật kỹ mới thấy sự tu của mình không phải ở trên mây xanh, mà nó ngay nơi con người chân thật của chính mình. Bây giờ có người nào không ăn chay, không tụng kinh nhưng thấy sắc đẹp không tham, nghe tiếng hay không nhiễm, khen không mừng, chê không giận là người đó có tu. Còn người ăn chay trường, tụng kinh giỏi mà thấy sắc, nghe tiếng, người mùi... cái gì cũng dính cũng nhiễm là chưa biết tu. Nên tu là khéo gỡ đừng cột trói đừng dính mắc.

Người tu là người gỡ bớt sự dính nhiễm của sáu căn, người không biết tu chẳng những không gỡ mà còn tập thêm, đã nhiễm càng nhiễm thêm. Vì vậy khổ hoài từ đời này sang đời khác. Đó là tôi giải thích rõ vì sao sáu căn là cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn, sáu căn cũng là gốc của trầm luân sanh tử.

Trong kinh Kim Cang, ngài Tu-bồ-đề xin Phật dạy làm thế nào hàng phục tâm và an trụ tâm để tiến lên quả vị Bồ-đề? Ở đây, tôi chỉ nói phần an trụ. Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, nghĩa là không nên dính mắc nơi sắc sanh tâm Bồ-đề, không nên dính mắc nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm Bồ-đề, nên không dính mắc mà sanh tâm Bồ-đề. Nghe câu này Lục Tổ Huệ Năng đại ngộ, còn chúng ta không ngộ gì hết. Tại sao? Vì muốn tâm an trụ để được giác ngộ thì đối với sáu trần tâm đừng dính mắc. Chúng ta còn dính mắc nên tâm không an, không an làm sao giác ngộ giải thoát được.

Ví dụ tay tôi nắm cái ly thì dính mắc ở cái ly nên không thể nắm được cái khác. Vì vậy còn bám vào một vật gì là mắc kẹt vào vật đó. Nếu trên bàn có năm ba thứ nhưng tay tôi không nắm thứ nào hết nên rảnh rang không dính mắc. Nhờ không dính hẳn vào một vật nên tôi có thể cầm vật nào cũng được. Không bám nên không dính mắc, đó là vô sở trụ. Chỗ không dính mắc ấy là tâm Bồ-đề.

Tôi thường ví dụ như người vác cục đá to leo núi, việc này rất khó. Vì đá nặng mà trèo dốc cao nữa nên rất khó đi. Bây giờ có người khuyên kẻ đó bỏ cục đá xuống, như vậy khó hay dễ? Bỏ xuống khỏe ru phải không? Cũng thế, chúng ta đang dính đang nhiễm, Phật bảo mình buông đi, đừng dính nhiễm nữa, như vậy dễ hay khó? Thế mà chúng ta lại than khó! Tại sao buông xuống nhẹ mà lại khó? Nghe khen, nghe chê buông bỏ hết cho khỏe, dễ quá, tại sao mình không chịu buông? Thật lạ lùng.

Ví dụ như người ghiền rượu, mỗi ngày phải tốn tiền đi quán bao nhiêu lần, khổ hay sướng? Khổ. Bây giờ biểu bỏ rượu đi, đừng uống nữa khỏi tốn tiền, hết khổ nhưng họ nói bỏ rượu khó quá. Tại sao khó? Tại vì đeo mang quen rồi, buông ra thấy khó. Nếu chúng ta can đảm buông một cái thì dễ thôi, lỗi là tại mình không gan. Bởi vậy người tu đòi hỏi phải có ý chí, phải gan dạ.

Tất cả các nghiệp thiện cũng như nghiệp ác đều do chính mình là chủ nhân tạo nên. Ta đã tạo cho mình khổ thì cũng chính ta làm cho mình hết khổ, chớ đâu có ai thế được. Gan một chút bỏ hết đi thì hết khổ; không chịu gan rồi cứ kêu khổ hoài. Rõ ràng ta không đủ can đảm làm những việc lợi ích cho bản thân mình, thì mong gì giúp ích cho ai? Vì thế không nói tu từ đâu, mà chính nơi sáu căn của mình biết gỡ bỏ, tự nhiên chúng ta yên lành tự tại.

Sở dĩ ta niệm Phật, tụng kinh, tọa thiền mà tâm vẫn bất an là tại vì nhớ sắc, nhớ thanh. Như buổi chiều có ai nói một câu nặng, mình trả lời chưa vừa ý; lát sau ngồi thiền hay niệm Phật không yên. Cứ tìm câu đối đáp cho xứng với câu nói hồi chiều. Rõ ràng tâm mình không an là tại vì dính sắc trần, thanh trần bên ngoài. Bây giờ đến giờ tu thì gác qua một bên, không nhớ nghĩ chi hết, tự nhiên tâm an. Cho nên Phật dạy chỉ tâm không dính mắc với sáu trần là an trụ. An trụ được tâm đó mới tiến tới Bồ-đề, giải thoát.

Phật tử cứ sợ không biết sau khi chết mình đi đâu nên tìm hết thầy này đến thầy khác để hỏi. Sao không tự hỏi mình? Bình thường thương người này giận người kia, trong tâm hiện lên hình ảnh những kẻ ấy hoài thì khi chết sẽ bị chúng dẫn đi thôi. Nếu tâm còn oán thù hờn giận thì oán thù hờn giận sẽ dẫn mình đi gặp nhau để trả thù. Chúng ta có mâu thuẫn mà không biết. Mình ghét ai không muốn gặp thì lẽ ra buông luôn đừng nhớ người đó, đằng này không muốn gặp mà cứ nhớ hoài. Nhớ gương mặt sao dễ ghét, giọng nói cũng khó ưa... ôm ấp trong lòng hoài. Như vậy khi gần nhắm mắt những hình ảnh đó sống trở lại khiến cho gặp nhau ở đời sau nữa. Đó là mâu thuẫn.

Chúng ta tu mà chất chứa buồn phiền thù hận hoài thì khi nhắm mắt sẽ bất an. Đó là đi theo đường

khổ. Cho nên chỉ cần nhìn lại lòng mình trong hiện tại là biết chết sẽ về đâu, gặp ai, khỏi cần hỏi thầy cô nào hết. Chúng ta biết tu rồi gỡ bỏ bớt, đừng thèm giận nhau chi. Buồn giận nhiều có đi tới đâu? Phút cuối cùng ai rồi cũng phải chết, mang giận hờn theo chi cho khổ. Vì vậy Phật dạy người tu phải hỷ xả, vui về bỏ hết để được an vui khi sống cũng như lúc chết. Nên nhớ ngày mai chúng ta tiến lên hay lùi xuống đều tùy tâm niệm trong hiện tại.

Nhiều người nói quý thầy tu xả được, chớ chúng tôi đâu có xả nổi. Trong sách nhà Phật có nói câu này: “Tăng hận bất cách túc”, nghĩa là tăng giận không được quá một đêm. Phật thông cảm cho quý thầy còn phàm tăng cũng giận, nhưng không quá một đêm. Vậy quý Phật tử giận chừng bao lâu? Năm mươi năm chưa quên. Đối với người tu đạo lực còn yếu, gặp cảnh trái nghịch cũng bực bội, nhưng một chút thôi rồi bỏ đi, không được ôm ấp lâu. Người không biết tu khi gặp cảnh trái nghịch giận hoài không quên.

Như vậy chỉ cần nhìn lại mình, ta biết sự tu tiến nhiều ít. Hồi chưa biết tu ai làm gì trái ý, mình giận mười năm. Bây giờ biết tu, ai làm trái ý, mình giận chừng ba năm là đã có tiến bộ. Đến khi khá hơn chút nữa, ai làm gì trái ý, mình giận chừng ba bốn ngày thôi. Bao giờ giận chỉ một đêm thôi là làm tăng được rồi đó. Cuối cùng gặp thuận nghịch chi mình cũng cười, không giận ai hết, đó là chúng ta bắt đầu tiến lên bước giải thoát.

Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, chẳng những Ngài không dính mắc sáu trần mà còn thấy ngay nơi thân này có tâm thể thanh tịnh, nên Ngài liền thốt lên: Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tâm mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tâm mình trùm khắp tất cả v.v... Chúng ta do ý niệm dấy động chạy theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên dính mắc sáu trần. Thế mà ta lại còn cho ý niệm đó là tâm mình nữa. Tâm tôi nhớ hình sắc, tâm tôi nhớ âm thanh v.v... Cứ thế liên miên hết niệm này khởi tới niệm kia đuổi theo bóng dáng sáu trần nên bất an. Nhưng hỏi lại tâm đó có thật không? Nhớ cái này nhớ cái nọ, lát sau mất hết, như vậy nó đâu có thật. Bây giờ nếu chúng ta dừng lại, không đuổi theo sáu trần nữa thì được an ngay.

Khi nhận tâm niệm dính với sáu trần là tâm mình, ta thấy tâm ấy sanh diệt liên tục. Còn nếu những tâm niệm đó lặng xuống hết, không còn dính bóng dáng nào nữa, lúc đó tâm mình ra sao? Thành thục trùm khắp, nên không sanh diệt từng chập từng chập như trước. Hiểu thấu và ứng dụng được như thế là ta giải thoát rồi. Học kinh nhiều mà không ứng dụng được thì có lợi ích gì? Chúng ta học kinh Phật để tu, chớ không phải để tụng cho Phật nghe. Mình không chịu ứng dụng tu, cứ tối tụng lại cho

Phật nghe, thử hỏi có phụ lòng Phật không? Ví như cô giáo dạy học trò khi ra đường gặp các cụ già phải giở nón chào, chấp tay cúi đầu, thưa dạ đàng hoàng. Con bé đó thuộc lòng lời dạy trên, nhưng khi ra đường gặp các cụ nó không thềm giở nón chào, không chấp tay cúi đầu. Tới lúc vô trường nó lại đọc thuộc lòng cho cô giáo nghe. Thử hỏi nếu cô giáo biết được chuyện này có khen không?

Chúng ta cũng vậy, như trong kinh Bát-nhã Phật dạy “Quán tự tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Nghĩa là Bồ-tát Quán tự tại khi thực hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, Ngài soi thấy năm uẩn không thật liền qua tất cả khổ nạn. Quý thầy cô của mình cứ đọc thuộc lòng cho Phật nghe như thế mà không chịu hành thâm, nên rồi khổ nạn tới liền miên phải không. Phật biết chắc Ngài cũng buồn lắm. Bởi Phật dạy là muốn chúng ta thực hành để hết khổ, chớ không phải đem lời Phật dạy ra đọc hoài mà không chịu tu. Cho nên người học đạo thực hành một câu Phật dạy quý bằng hòn ngọc vô giá ở thế gian. Vì vậy tôi thường nhắc nhở chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử, chúng ta đọc kinh nhưng phải ứng dụng tu, chớ không nên đọc suông.

Chúng ta tu phải ráng làm sao đừng để dính với sáu trần là được giải thoát, ngược lại cứ dính mắc sáu trần hoài thì trầm luân không có ngày ra khỏi. Như vậy sáu căn là nhân giải thoát nếu chúng ta không dính với sáu trần, hoặc sáu căn là nhân trầm luân sanh tử nếu dính với sáu trần. Nên biết tu ngay nơi sáu căn, chớ không ở đâu khác. Quyền định đoạt được giải thoát hay trầm luân là của chúng ta. Chính mình can đảm, chủ động để được giải thoát, cũng chính mình chủ động để trầm luân trong sanh tử, không thể trách móc kêu than ai hết. Như vậy đạo Phật tôn trọng quyền tự do tuyệt đối, không ai bắt ta trầm luân, cũng không ai nâng ta lên giải thoát. Hiểu như thế rồi, chúng ta không được quyền đổ thừa tại trời hay tại ai làm cho mình khổ, mà phải biết rõ là tại mình.

Đó là ý nghĩa thâm trầm và sâu xa của đạo Phật về cội gốc sanh tử và cội gốc Niết-bàn. Mong tất cả nghe hiểu và ứng dụng tu đạt được kết quả viên mãn.

